

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05-09-2017

V/v: ly hôn giữa bà B
và ông X

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng

Bà Huỳnh Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 05-09-2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 11-05-2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-08-2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2017/QĐ-HPT ngày 18-08-2017 và Quyết định thay đổi kiểm sát viên tham gia phiên tòa số 06/QĐTĐ-KSV-VKS ngày 05-09-2017 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Thái B -sn:1985 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

2.*Bị đơn:* Ông Lê Văn X -sn:1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-05-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thái B trình bày:

Về hôn nhân: Bà B và ông X tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 179 ngày 19-10-2005. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong quá trình chung sống hai bên không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau nên gia đình luôn luôn xào sáo, bất hòa, ông X thường xuyên ra ngoài qua lại với người khác, nhiều lần về kiểm chuyện đánh đập, sỉ nhục bà B. Cuộc sống chung vợ chồng ngày càng nặng nề, bức bối làm cho bà B luôn luôn lo sợ. Từ năm 2016 vợ chồng sống ly thân, hai bên không còn quan hệ qua lại với nhau. Bà B cảm thấy hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà B đề nghị được ly hôn với ông X.

Về nuôi con chung: Bà B và ông X có 02 con chung là LTP sinh ngày 06-10-2005 và LMH sinh ngày 10-04-2011. Cháu P hiện đang sống cùng bà B còn cháu H hiện đang sống cùng ông X, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi cháu P, giao cháu H cho ông X nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn ông Lê Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay ông X vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

*Về tố tụng:*Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:*Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có cơ sở, các bên có 02 con chung ,cháu P đang sống với bà B còn cháu H đang sống cùng ông X, bà B yêu cầu nuôi cháu P và giao cháu H cho ông X nuôi dưỡng, hai bên không cấp

dưỡng nuôi con, xét thấy yêu cầu của bà B là có cơ sở chấp nhận, tài sản chung và nợ chung thì nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Từ phân tích trên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*: Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về tố tụng*: Ông X dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt ông X là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]*Về yêu cầu*:

[3.1]*Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà B và ông X có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 179 ngày 19-10-2005 (BL 08) nên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo bà B thì sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong quá trình chung sống hai bên không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau nên gia đình luôn luôn xào sáo, bất hòa, ông X thường xuyên ra ngoài qua lại với người khác, nhiều lần về kiểm chuyện đánh đập, sỉ nhục bà B. Cuộc sống chung vợ chồng ngày càng nặng nề, bức bối làm cho bà B luôn luôn lo sợ. Từ năm 2016 vợ chồng sống ly thân, hai bên không còn quan hệ qua lại với nhau. Bà B cảm thấy hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà B đề nghị được ly hôn với ông X. Ông X dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Qua thực tế xác minh tại địa phương nơi bà B và ông X sinh sống thể hiện vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau, có 02 con chung thì cháu lớn sống cùng bà B còn cháu nhỏ sống cùng ông X, điều này cũng phù hợp với thừa nhận của người thân trong gia đình là vợ chồng chung sống có to tiếng với nhau, ông X không thường

xuyên ở nhà và có lần ông X còn đánh bà B (BL 21,22) nên xét thấy vợ chồng chung sống mà không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, không tôn trọng lẫn nhau mà còn đánh đập nhau, đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà B là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của bà B là được ly hôn với ông X.

[3.2]*Về nuôi con chung*: Bà B và ông X có 02 con chung là LTP sinh ngày 06-10-2005 và LMH sinh ngày 10-04-2011 (BL 06,07). Cháu P hiện đang sống cùng bà B còn cháu H hiện đang sống cùng ông X, điều này địa phương cũng xác nhận (BL 22), bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi cháu P, giao cháu H cho ông X nuôi dưỡng. Do ông X không đến phiên tòa để thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề này và nguyện vọng của cháu P là được sống cùng bà B (BL 21) nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của bà B, nếu sau này ông X có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]*Về tài sản chung và nợ chung*: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông X vắng mặt nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]*Về án phí*: Do là nguyên đơn nên bà B phải chịu án phí ly hôn theo loại án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]*Về quyền kháng cáo*: Bà B và ông X được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu của bà Thái B đối với ông Lê Văn X.

1.Về hôn nhân:Bà Thái B được ly hôn với ông Lê Văn X.

2.Về nuôi con chung:Bà B và ông X có 02 con chung là LTP sinh ngày 06-10-2005 và LMH sinh ngày 10-04-2011. Cháu P hiện đang sống cùng bà B còn cháu H hiện đang sống cùng ông X. Bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi cháu P. Ông X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.

Sau khi ly hôn bà B, ông X đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Bà B, ông X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung:Bà B không yêu cầu Toà án giải quyết.

4.Về án phí:Bà B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004121 ngày 10-05-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà B đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã T, H.Đất Đỏ, BRVT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ngô Diệp Lai

